

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng hơn 38 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,631.86 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin, Bất động sản, Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, HNX và mua ròng nhẹ trên sàn UPCOM. Trong 1,2 phiên tới, VN-Index có thể kéo dài nhịp hồi phục về vùng 1,660 – 1,680; tuy nhiên nhà đầu tư vẫn nên thận trọng trong giai đoạn này khi diễn biến của thị trường lỏng lẻo và khó đoán định.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+38.25** điểm, đóng cửa tại **1631.86** điểm. HNX-Index **+3.71** điểm, đóng cửa tại **264.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+9.17)**, **VHM (+3.78)**, **TCB (+2.20)**, **FPT (+1.77)**, **VCB (+1.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BHN (-0.05)**, **TCX (-0.03)**, **BCM (-0.02)**, **ACG (-0.02)**, **PAN (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,434** tỷ đồng, tăng **9.64%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,166 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 35.43 điểm. Thị trường có **268** mã tăng, 36 mã tham chiếu, **58** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-381.03** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCI (-197.48 tỷ)**, **HDB (-170.74 tỷ)**, **VIX (-150.19 tỷ)**, **STB (-134.26 tỷ)**, **TCX (-95.99 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-77.75** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.01%**. Các mã diễn biến tích cực:
PDR (+4.72%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+4.68%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+4.44%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+2.06%**. Các mã diễn biến tích cực:
VRE (+5.64%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+5.07%)
BVH (+4.87%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.01%	2.06%	2.40%	2.78%
1 tuần	-3.07%	-3.49%	-1.39%	-0.75%
1 tháng	-5.55%	-8.30%	-7.55%	-6.96%
3 tháng	-6.46%	-9.88%	-0.54%	4.38%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,631.86	264.79	119.03
% 1D	2.40%	1.42%	1.00%
GTKL (tỷ VND)	19,434	1,434	527
%1D	9.64%	18.16%	-3.85%
GDNN (tỷ VND)	-381.03	-77.75	0.21

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	257.53	VCI	-197.48
HPG	115.30	HDB	-170.74
FPT	114.98	VIX	-150.19
MSN	89.13	STB	-134.26
VNM	82.68	TCX	-95.99

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

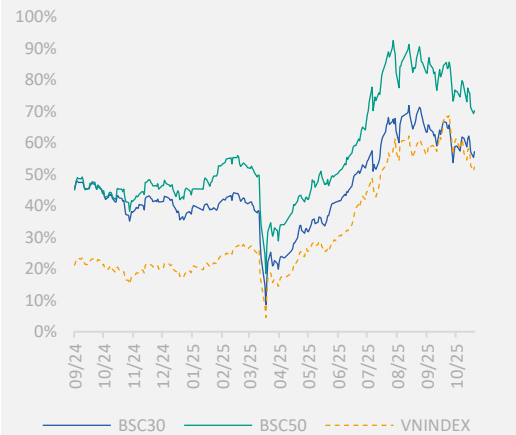
		%D	%W
SPX	6,847	0.21%	1.11%
FTSE100	9,910	0.10%	1.36%
Eurostoxx	5,782	1.10%	2.17%
Shanghai	4,000	-0.07%	0.78%
Nikkei	51,090	0.49%	1.75%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.88	-0.33%
Giá vàng	4,130	-0.40%
Tỷ giá		
USD/VND	26,385	0.05%
EUR/VND	31,277	0.36%
JPY/VND	175	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.01%
LS LNH 1M	6.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

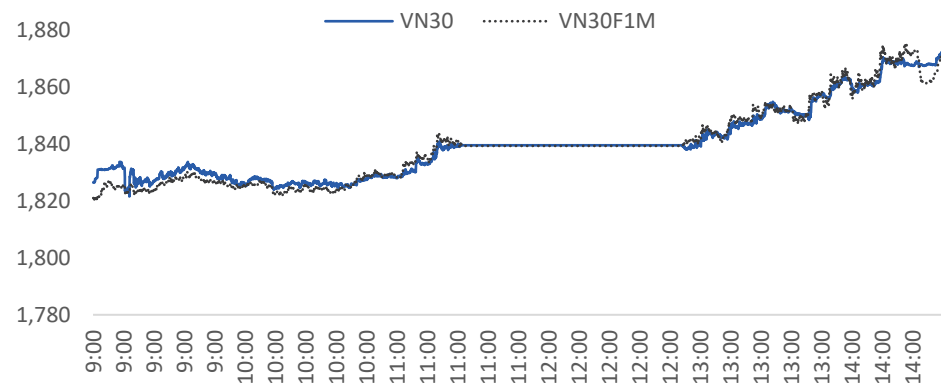
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1870.60	3.06%	294,289	-18.5%	20/11/2025	8
41I1G6000	1855.90	2.96%	48	-21.3%	18/06/2026	218
VN30F2512	1870.00	3.31%	1,469	21.4%	18/12/2025	36
41I1G3000	1867.60	3.30%	59	-4.84%	19/03/2026	127

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +50.67 điểm, đóng cửa tại 1872.27 điểm. Biên độ dao động 48.33 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VIC, MWG, TCB, VHM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 có nhịp hồi phục mạnh mẽ, tuy nhiên thanh khoản vẫn ở mức thấp trong bối cảnh thị trường khó đoán định. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2522	25/06/2026	225	39,800	41.29%	117.69	1,890	70.3%	0.45	132.81	94.00	94.00
CFPT2516	23/01/2026	72	438,800	11.45%	102.64	1,090	36.3%	0.51	112.12	100.60	100.60
CVIB2509	3/12/2025	21	9,100	5.75%	18.39	380	35.7%	0.21	19.72	18.65	18.65
CVNM2508	19/11/2025	7	250,200	8.57%	64.63	40	33.3%	0.00	64.93	59.80	59.80
CVNM2516	3/12/2025	21	38,400	5.51%	61.18	250	25.0%	0.10	63.09	59.80	59.80
CFPT2515	15/12/2025	33	323,000	9.91%	106.95	420	23.5%	0.15	110.57	100.60	100.60
CTCB2509	15/12/2025	33	1,292,600	1.43%	33.12	1,220	23.2%	1.33	35.50	35.00	35.00
CVHM2514	15/12/2025	33	280,500	0.69%	72.00	4,530	21.4%	4.46	94.65	94.00	94.00
CFPT2512	13/04/2026	152	2,285,300	16.34%	108.67	970	21.3%	0.56	117.04	100.60	100.60
CHPG2536	25/06/2026	225	5,000	30.74%	32.90	1,200	20.0%	0.64	35.30	27.00	27.00
CSTB2510	19/11/2025	7	21,700	-0.16%	44.00	1,630	19.9%	1.66	50.52	50.60	50.60
CTCB2518	23/02/2026	103	662,800	8.16%	35.07	1,430	19.2%	1.36	37.86	35.00	35.00
CSHB2507	3/12/2025	21	192,600	0.68%	12.98	1,940	18.3%	1.90	16.41	16.30	16.30
CVRE2524	25/06/2026	225	4,200	27.95%	35.89	1,520	17.8%	0.74	41.97	32.80	32.80
CVPB2520	4/05/2026	173	27,300	16.36%	22.22	2,590	17.7%	1.67	32.58	28.00	28.00
CVRE2518	4/05/2026	173	6,000	11.09%	29.00	1,860	17.7%	1.45	36.44	32.80	32.80
CFPT2517	23/06/2026	223	743,900	17.77%	106.99	1,320	16.8%	0.84	118.47	100.60	100.60
CVRE2523	25/03/2026	133	46,600	19.51%	35.00	1,050	16.7%	0.56	39.20	32.80	32.80
CVRE2516	23/06/2026	223	168,100	6.83%	26.00	4,520	16.2%	4.18	35.04	32.80	32.80
CSTB2518	11/12/2025	29	15,700	0.63%	44.00	1,730	16.1%	1.75	50.92	50.60	50.60

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 12/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CVHM2522 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 70.27%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.45%.
 - CVHM2521, CVHM2524, CVRE2526, CVHM2523, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	100.60	4.68%	9.88
VIC	211.20	5.07%	9.50
MWG	80.50	3.21%	4.19
TCB	35.00	4.01%	3.51
VHM	94.00	4.44%	3.38

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
BCM	66.90	-0.15%	-0.01

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	211.20	5.07%	9.17	3.88
VHM	94.00	4.44%	3.78	4.11
TCB	35.00	4.01%	2.20	7.09
FPT	100.60	4.68%	1.77	1.70
VCB	59.50	1.02%	1.12	8.36

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	25.80	5.31%	0.45	0.57
SHS	22.70	2.25%	0.27	0.90
HUT	17.30	2.37%	0.26	1.07
KSV	152.80	1.19%	0.21	0.20
NVB	13.90	2.21%	0.21	1.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTB	15.35	6.97%	0.00	0.01
NVL	13.05	6.97%	0.41	6.26
VSC	21.55	6.95%	0.12	13.63
GEE	161.80	6.94%	0.90	5.23
HID	4.68	6.85%	0.01	1.67

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GIC	15.10	9.42%	0.06	0.00
HLC	14.00	9.38%	0.11	0.12
CAN	31.30	7.93%	0.04	0.00
MAC	18.30	7.65%	0.11	0.01
C69	12.80	7.56%	0.21	1.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BHN	31.50	-3.37%	-0.05	0.23
TCX	43.20	-0.12%	-0.03	2.31
BCM	66.90	-0.15%	-0.02	1.04
ACG	35.50	-1.80%	-0.02	0.15
PAN	29.75	-1.49%	-0.02	0.21

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	11.80	-3.28%	-0.15	0.68
PMC	165.20	-3.45%	-0.03	0.01
TFC	58.80	-5.01%	-0.03	0.02
PGS	49.00	-2.00%	-0.03	0.05
SGC	79.60	-7.44%	-0.02	0.01

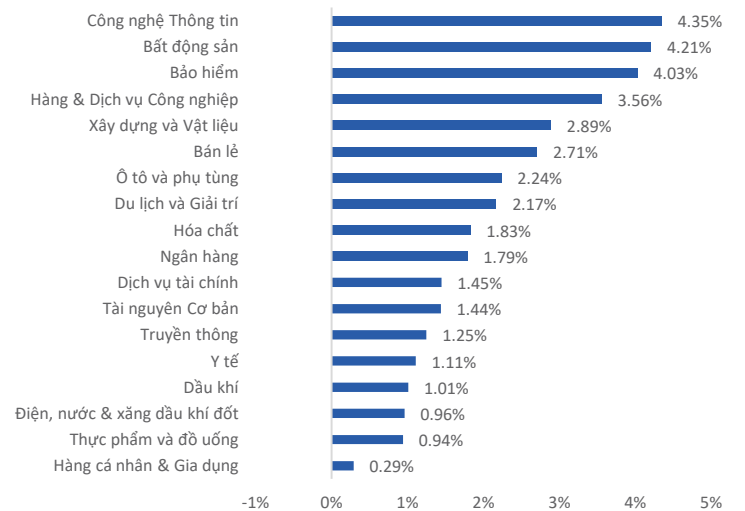
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ICT	22.90	-6.91%	-0.01	0.14
CCI	26.10	-6.79%	-0.01	0.00
BBC	81.20	-4.02%	-0.01	0.00
DQC	10.70	-3.60%	0.00	0.00
CMV	8.20	-3.53%	0.00	0.00

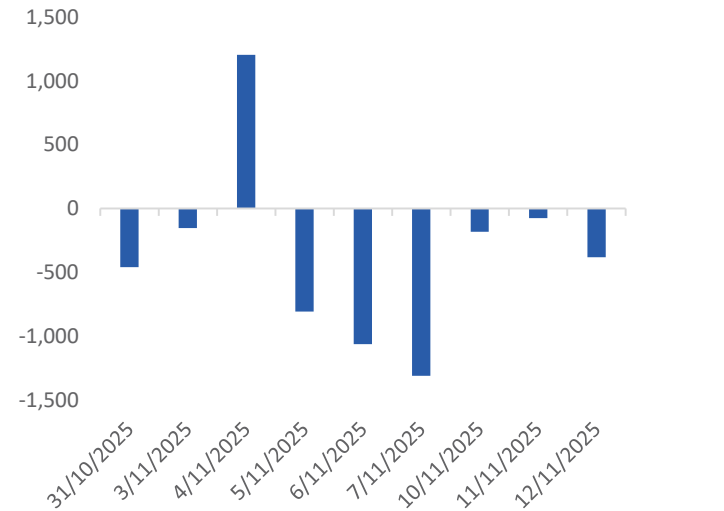
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ALT	12.20	-9.63%	-0.02	0.01
SGC	79.60	-7.44%	-0.15	0.01
NST	12.70	-7.30%	-0.04	0.01
HAT	33.30	-7.24%	-0.03	0.00
BAX	35.40	-6.84%	-0.07	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.5	3.2%	1.3	115,320	408.2	3,955	19.7	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	33.1	2.5%	1.2	30,419	73.2	1,872	17.3	46,000	10.5%	Link
KDH	Bất động sản	34.1	3.3%	1.4	37,033	175.4	857	38.5	39,900	27.2%	Link
PDR	Bất động sản	22.2	4.7%	1.6	20,772	206.6	211	100.5	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	94.0	4.4%	1.0	369,667	470.8	6,133	14.7	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	100.6	4.7%	0.6	163,707	658.8	5,280	18.2	118,700	38.0%	Link
BSR	Dầu khí	15.8	1.3%	0.0	78,114	51.6	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.3	2.2%	1.6	15,582	105.3	3,040	10.7	42,800	11.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.8	1.1%	1.4	24,353	189.9	1,428	15.8		35.2%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.5	1.9%	1.3	72,346	1235.9	1,882	18.5		32.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.6	-0.3%	1.3	26,519	545.3	1,589	23.1		20.3%	
DCM	Hóa chất	34.3	1.5%	1.3	17,894	35.4	3,578	9.5	47,300	4.5%	Link
DGC	Hóa chất	93.5	1.9%	1.4	34,864	126.5	8,296	11.1	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	25.2	1.4%	0.9	127,646	178.4	3,385	7.3	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	38.3	0.7%	1.0	266,812	77.5	3,781	10.1	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.2	1.4%	1.2	260,445	328.1	6,208	7.8	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	30.0	1.4%	1.2	114,239	552.2	3,674	8.1	30,800	24.0%	Link
MBB	Ngân hàng	23.7	2.2%	1.2	186,876	414.2	3,017	7.7	29,300	20.6%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	0.8%	1.1	37,752	53.2	1,729	7.0	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	50.6	1.9%	1.1	93,601	512.0	6,519	7.6		16.2%	
TCB	Ngân hàng	35.0	4.0%	1.0	238,452	445.8	3,112	10.8	43,500	22.4%	Link
TPB	Ngân hàng	17.3	2.4%	1.2	46,881	185.3	2,358	7.2	-	24.2%	Link
VCB	Ngân hàng	59.5	1.0%	0.9	492,149	132.1	4,202	14.0	75,700	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	2.5%	0.9	61,953	113.8	2,225	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.0	1.8%	1.1	218,183	1053.5	2,603	10.6	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.0	1.5%	1.2	204,167	947.4	1,876	14.2	33,170	18.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	1.2%	1.3	10,495	65.0	1,178	14.3	19,800	5.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.4	1.0%	1.3	9,679	46.7	4,150	6.1	31,700	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.2	1.3%	1.2	113,071	595.9	2,196	35.6	92,700	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	59.8	1.5%	0.7	123,098	308.8	4,160	14.2	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.3	2.15%	1.3	8,725	35.9	2,413	16.4	19.8%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	144.0	1.48%	0.9	24,166	55.1	3,620	39.2	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.0	4.87%	1.2	39,640	46.1	3,594	14.9	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.6	2.23%	1.4	16,048	247.2	516	39.0	4.6%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.2	1.86%	1.5	19,155	296.6	401	46.9	21.9%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.8	3.16%	1.4	5,373	80.1	3,057	8.8	3.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.6	3.27%	1.6	11,302	84.7	938	32.6	20.5%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.3	0.26%	1.4	14,876	70.4	4,849	8.1	10.9%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.8	1.24%	1.3	17,637	46.3	2,183	16.7	45.9%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.4	2.03%	1.1	13,147	7.9	5,474	9.9	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.6	1.32%	1.1	5,436	6.7	1,763	17.1	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.4	2.64%	1.4	18,112	103.5	852	24.5	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	211.2	5.07%	0.9	774,456	808.2	2,287	87.9	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	32.8	5.64%	1.0	70,555	264.7	2,144	14.5	14.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.5	2.39%	1.3	7,962	9.7	1,833	20.5	38.6%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.1	0.89%	1.0	42,882	36.7	2,090	16.2	15.1%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.5	-0.20%	1.2	13,619	168.1	1,602	15.3	5.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.9	1.20%	1.3	11,590	26.1	1,262	26.5	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.1	1.35%	1.7	19,563	118.2	1,664	17.9	5.3%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.9	1.31%	1.0	147,431	39.9	5,014	12.2	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	1.42%	1.2	32,903	70.1	812	17.3	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.5	0.94%	0.8	34,612	7.7	4,776	13.4	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	176.1	0.69%	0.9	103,473	333.5	2,897	60.4	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.1	4.28%	1.5	39,029	737.2	2,313	18.7	8.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.0	1.64%	1.2	26,016	69.6	3,504	17.4	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.8	2.45%	1.1	10,351	122.7	6,185	9.9	8.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.6	2.03%	1.2	8,106	30.6	2,090	8.3	8.7%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	105.5	2.03%	0.0	12,592	42.1	3,139	32.9	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.4	0.34%	1.2	30,396	14.2	6,921	12.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.6	0.00%	1.0	3,092	51.5	2,535	10.9	48.6%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.7	1.08%	1.4	2,446	6.9	2,878	6.6	17.7%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.6	1.72%	1.1	15,774	59.8	1,212	19.1	4.5%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.5	1.97%	1.3	111,600	47.3	1,569	17.8	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.6	3.35%	1.3	38,931	160.1	1,635	12.8	3.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	48.7	2.42%	0.5	141,896	81.3	3,469	13.7	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	0.35%	0.0	24,792	21.8	2,337	6.2	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	0.00%	0.9	33,022	19.3	1,460	8.5	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	3.95%	1.3	7,363	204.9	571	28.8	4.9%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.4	1.61%	1.4	7,429	29.6	2,829	9.9	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.5	0.62%	0.6	9,820	77.7	1,715	18.8	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.0	0.32%	0.6	60,024	41.6	3,373	13.9	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.2	0.70%	1.1	12,749	36.0	6,944	8.2	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	173.3	3.40%	0.5	13,720	19.9	14,639	11.5	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	89.0	4.58%	1.3	8,632	83.0	6,560	13.0	48.7%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.4	1.56%	1.2	10,295	50.4	5,128	17.6	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.0	2.93%	1.4	4,304	26.6	3,037	14.1	5.3%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.7	2.25%	1.3	6,641	59.3	1,106	12.1	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	4.72%	1.1	8,601	51.7	1,584	15.2	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.2	2.77%	1.2	15,192	97.3	6,148	3.8	5.0%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.7	2.88%	1.5	19,481	41.6	3,090	14.1	3.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>